

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 03/2021/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Vĩnh Cửu, ngày 04 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Ông Nguyễn Xuân Quang

***Thư ký phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên họp:*** Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 233/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 41/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- \* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1986;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (có mặt).
- \* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
  - Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1960;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
  - Ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1965;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
  - Bà Phạm Ngọc B, sinh năm 1966;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
  - Bà Phạm Ngọc Y, sinh năm 1969;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
  - Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1971;  
Địa chỉ: 5/B9 Khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
  - Bà Phạm Ngọc Ph, sinh năm 1973;  
Địa chỉ: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: AAA, Khu phố X, phường Th, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo đơn yêu cầu ngày 07/12/2020, bản tự khai cũng như quá trình mở phiên họp giải quyết việc dân sự người yêu cầu anh Phạm Văn Quý trình bày:*

Ông Phạm Văn Q là con của ông Phạm Văn N, sinh năm 1941 hiện nay đang ở tại Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đang bị mất khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, không còn minh mẫn về mặt nhận thức và tâm thần do già yếu. Mẹ ông Q là bà Trần Thị V, sinh năm 1941 đã chết ngày 23/7/2018. Cha, mẹ ông có 08 người con gồm: Phạm Văn Tr sinh năm 1960, Phạm Văn Ch sinh năm 1965, Phạm Ngọc B sinh năm 1966, Phạm Ngọc Y sinh năm 1969, Phạm Thị Ngọc L sinh năm 1971, Phạm Ngọc Ph sinh năm 1973, Phạm Thị Thanh T sinh năm 1980, và Phạm Văn Q sinh năm 1986.

Nay ông Q yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu tuyên bố ông Phạm Văn N, sinh năm 1941 mất năng lực hành vi dân sự. Lý do là để ông N có người giám hộ theo quy định pháp luật gia đình ông thuận tiện trong việc thực hiện các giao dịch dân sự và trong việc liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến quan hệ nhân thân, tài sản của ông N.

*Theo các bản tự khai những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Văn Tr, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm Ngọc B, bà Phạm Ngọc Y, bà Phạm Thị Ngọc L, bà Phạm Ngọc Ph, bà Phạm Thị Thanh T trình bày: Đồng ý với yêu cầu của ông Phạm Văn Quý và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai nhận định:*

#### **[1] Về tố tụng**

*Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phạm Văn Q có đơn yêu cầu tuyên bố ông Phạm Văn N mất năng lực hành vi dân sự; ông N có nơi thường trú tại: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc dân sự trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

#### **[2] Về nội dung:**

Theo lời khai và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Ông Phạm Văn N sinh năm 1941 là cha của ông Phạm Văn Q hiện nay già yếu không có khả năng đi lại, nhận biết nên không thực hiện được các giao dịch dân sự. Do đó, ông Q yêu cầu Tòa án tuyên bố ông N mất năng lực hành vi dân sự; vợ ông N là bà Trần Thị V sinh năm 1941 đã chết ngày 23/7/2018; các con ông N gồm ông Phạm Văn Tr, ông Phạm Văn Ch, bà Phạm

Ngọc B, bà Phạm Ngọc Y, bà Phạm Thị Ngọc L, bà Phạm Ngọc Ph, bà Phạm Thị Thanh T đều thống nhất với yêu cầu của ông Phạm Văn Q.

Quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, ngày 25/12/2020 Tòa án đã Quyết định trưng cầu giám định pháp y tâm thần. Ngày 26/01/2021, Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa có kết luận số 71/KL-VPYTW đối với tình trạng tâm thần ông N hiện nay:

Về y học: Đang sự bị bệnh mất trí trong bệnh mạch máu.

Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đang sự mất khả năng nhận thức và điều khiển về hành vi.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông Phạm Văn N sinh năm 1941 bị mất năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của ông Phạm Văn Q là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn Q phù hợp với nhận định của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Ông Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 35, 39, 361, 369, 370, 371, 372, 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 22 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Phạm Văn Q về “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”;

Tuyên bố ông Phạm Văn N sinh năm 1941; nơi thường trú: Ấp A, xã Tr, huyện V, tỉnh Đồng Nai mất năng lực hành vi dân sự.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền lệ phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004787 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Ông Phạm Văn Q đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: ông Phạm Văn Q có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định này được thông báo, niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện

kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, văn phòng.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Xuân Quang**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:**

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).
- (3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm .....”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại ..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ..... là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày ..... tháng ..... năm .....).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”